2023 VCE Vietnamese First Language written external assessment report

General comments

Students sitting the 2023 VCE Vietnamese First Language written examination achieved modest results. A small number of students demonstrated excellent skills in language analysis and application. Others showed a lack of preparation, particularly for Section 3. Around 45% of students received scores above the mean score in Section 2 and nearly 50% of students received scores above the mean score in Section 3. Approximately 35% of students chose option 3 and 65% of students chose option 4 of Section 3.

This year was the second year of the new study design. Most students demonstrated knowledge and understanding of the new examination structure. Students who scored highly demonstrated very good skills in listening and reading comprehension, high analytical skills and an understanding of the main characteristics of different writing styles and text types.

It was evident that students who did not score well found analysing and synthesising passages challenging. They needed to make greater effort to master their language application. This included the use of correct words, punctuation, reading comprehension skills and analytical skills.

Students are advised to read and analyse the questions carefully to ensure that their responses address the questions asked. It is also important that students should practise to summarise information from different types of texts, and understand the main characteristics of the five writing styles and various text types described on page 9 of the study design.

Specific information

This report provides sample answers or an indication of what answers may have included. Unless otherwise stated, these are not intended to be exemplary or complete responses.

Section 1 ‒ Reading, listening and responding

This section required students to read a text, Text 1A, and listen to a related text, Text 1B, then answer a set of questions. The assessment criteria for this section were:

* the capacity to understand general and specific aspects of texts
* the capacity to identify and integrate relevant information and ideas from the texts
* the capacity to convey information accurately and appropriately.

Most students did not respond well in this section, particularly to Questions 1b. and 1d. Common errors in this section were:

* not distinguishing between thư viện công (public library) and thư viện công cộng (community library)
* misunderstanding the phrase mô hình quản lý (management models). This led to incorrect analysis of Question 1b.
* incorrect analysis of the question – many students only listed the similarities between public libraries in Victoria (Australia) and Vietnam.

Question 1a.

* Các chương trình học tập và tìm kiếm việc làm mở ra các cơ hội nghề nghiệp cho cộng đồng. (The educational programs and job search activities create employment opportunities for community members.)
* Các chương trình của thư viện chú trọng việc xây dựng và duy trì niềm yêu thích học tập suốt đời. (The library programs focus on building up and fostering a love for life-long learning.)
* Các chương trình giúp phát triển khả năng sử dụng thiết bị công nghệ cho cộng đồng. (The computer classes help to improve digital literacy of the community.)
* Các buổi đọc truyện cho trẻ em bằng ngôn ngữ cộng đồng giúp duy trì ngôn ngữ và văn hóa của các cộng đồng di dân. (The story times for children in community languages help to maintain the language and cultures of migrant communities.)
* Các hội thảo về sức khỏe giúp nâng cao sức khỏe cộng đồng. (The workshops on health information help to improve the health of community members.)

Question 1b.

* Thư viện công cộng do nhà nước quản lý. (Public libraries are managed by the state.)
* Thư viện cộng đồng do các tổ chức hoặc cá nhân điều hành. (Community libraries are managed by organisations or individuals.)
* Cà phê Sách là mô hình kinh doanh tư nhân. (Book Coffee is a private business model.)

Question 1c.

Any four of the following:

* Các mô hình đó đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng độc giả /người lớn và trẻ em. (Those models meet the needs of many types of readers / adults and children.)
* Các địa điểm đó có giờ mở cửa linh hoạt giúp cho độc giả sử dụng được nhiều hơn. (The places have flexible opening time frames, enabling readers to increase their access.)
* Các cơ sở đó có dịch vụ ăn/uống. (There is a refreshment service.)
* Không gian thư giãn cho độc giả. (There is a relaxing space for readers in those places).
* Tại các nơi đó có tổ chức các sự kiện. (There are regular events.)
* Có câu lạc bộ. (There are clubs.)
* Có các khóa học kỹ năng dành cho độc giả. (There are skills courses for readers in these places.)
* Miễn phí. (They are free of charge.)
* Thoải mái chọn sách. (Readers can freely choose books to read.)

Question 1d.

* Kinh phí hoạt động: 1) Điểm giống nhau: Cả hai mô hình đều có chính phủ tài trợ 2) Điểm khác nhau: Các thành viên được tham gia miễn phí hoặc với chi phí thấp ở các thư viện ở Victoria (Text 1A) còn ở Việt Nam thì phải trả lệ phí thấp (Text 1B).  
  (Sources of library income: 1) Similarities: Public libraries in both Victoria and Vietnam are funded by the government. 2) Differences: Membership in Victorian libraries is free or has low fees [Text 1A]; in Vietnam members have to pay low fees [Text 1B].)
* Về khả năng tiếp cận: 1) Điểm giống nhau: Mọi thành viên trong cộng đồng đều có thể sử dụng thư viện công ở cả hai nơi 2) Điểm khác nhau: Thư viện ở bang Victoria mở cửa dài giờ và vào cả cuối tuần (Text 1A) trong khi thư viện ở Việt Nam chỉ mở trong giờ hành chính (Text 1B).   
  (Accessibility: 1) Similarities: Public libraries in both Victoria and Vietnam are accessible to all members of the community / welcome all community members. 2) Differences: Libraries in Victoria have long opening hours and open even on the weekend [Text 1A]; libraries in Vietnam open only during business hours [Text 1B].)
* Về việc bảo tồn tài liệu cổ quý hiếm: 1) Điểm giống nhau: Cả hai đều bảo tồn tài liệu quý hiếm 2) Điểm khác nhau: Ở Úc thì điều kiện bảo tồn hiệu quả với tài liệu còn từ thời trung cổ (Text 1A), còn Việt Nam thì khó khăn do thời tiết khắc nghiệt và phương tiện bảo tồn chưa hiệu quả (Text 1B)   
  (Preservation of rare documents: 1) Similarities: Libraries in both Victoria and Vietnam try hard to preserve rare documents. 2) Differences: In Victoria the preservation is effective, with documents even from medieval times [Text 1A]; in Vietnam the preservation is difficult due to the severe weather conditions and ineffective preserving methods [Text 1B].)
* Về việc ứng dụng công nghệ thông tin: 1) Điểm giống nhau: Cả hai đều triển khai thư viện điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân. 2) Điểm khác nhau: Ở Việt Nam thì cơ sở hạ tầng về công nghệ và việc ứng dụng công nghệ thông tin chưa có sự thống nhất, mới chỉ triển khai ở thư viện cấp tỉnh và thành phố lớn (Text 1B)   
  (Application of technology: 1) Similarities: Both have online libraries and apply new technologies to meet the members’ demand. 2) Differences: In Vietnam the facilities and the application of technology have not been synchronised and have only been deployed in provincial and city public libraries [Text 1B]; in Australia they have been synchronised in all libraries [Text 1A].)

Section 2 ‒ Reading, listening and creating text

In this section, students were required to read a text, Text 2A, and listen to a related audio text, Text 2B, then respond to the question.

The assessment criteria for this section were:

* the capacity to identify, integrate and synthesise relevant information and ideas from the text
* appropriateness of structure and sequence
* accuracy, range and appropriateness of vocabulary and grammar (including punctuation and, where relevant, script)

The responses in this section were the best of the three sections. Nevertheless, there were some basic errors that should be noted as below:

* Writing style: the persuasive tone was not strong, and there was a small number of students who responded in the informative writing style.
* Text type: did not include the title, author and thanking words at the end of the script. Register was not consistent, for example, changed from tôi (I) to cô (she).
* Inaccurate or incorrect vocabulary: for example, chiêu mộ instead of mời gọi/kêu gọi (Hôm nay tôi đưng đây để chiêu mộ các bạn cùng tham gia câu lạc bộ này) (invite/appeal [Today I am here to recruit you to join this club]; … khả năng thể hiện nỗi buồn, niềm đam mê và cả sự bực tức một cách mĩ miều nhất; đất khách xa trời instead of đất khách quê người (foreign land); đạo cụ (tools) instead of nhạc cụ (musical instrument); tu luyện (chơi đàn) instead of tập luyện (chơi đàn) [practise (playing the piano)].
* Spelling: thậm trí instead of thậm chí [even]; câu lạc bộ giành cho thiếu niên instead of câu lạc bộ dành cho thiếu niên [club for teenagers]; cuốn cuồn instead of cuống cuồng [‘hurrily’]; thoăng thoắt instead of thoăn thoắt [quickly]; chử tình instead of trữ tình (romantic).
* students should practise using topic sentences and linking words, especially for the persuasive writing style.

Question 2

The following is a summary of the relevant information from the texts.

Relevant information and ideas from text 2A that students may include in their response:

* Đàn tranh thường có 16 dây nhưng hiện nay đã được cải tạo để diễn tấu được nhiều bản nhạc khó. (The zither usually has 16 chords but now it has been improvised to execute complicated musical works.)
* Đàn tranh có kiểu dáng gọn nhẹ, cơ động, đặc biệt màu âm giàu sức biểu cảm và khả năng diễn tấu phong phú. (The zither has a compact, portable design and its sound colour is rich in expressiveness and performance ability.)
* Từ lúc ban đầu là một nhạc cụ trong ban nhạc cung đình để chơi nhạc lễ hay đệm ngâm thơ, hiện nay đàn tranh đã phát triển thành một nhạc cụ có thể độc tấu hay hòa tấu. (From its origins as a court group instrument for performing ceremonial music or to accompany poetry recitals, the zither today has evolved into an instrument that can be performed solo or in an orchestra.)
* Đàn tranh của Việt Nam độc đáo ở cách trình diễn với kỹ thuật xử lý tay trái để thể hiện trọn vẹn tình cảm của người chơi. (The uniqueness of the Vietnamese zither is the execution technique focusing on the left hand to process the sounds and fully express the musician’s emotions.)
* Đàn tranh của Việt Nam có tiếng thanh và réo rắt. (The Vietnamese zither has clear and melodious sounds.)
* Tư thế của người chơi đàn tranh Việt Nam cũng đẹp nhẹ nhàng, hợp với tâm hồn và cảm xúc của nghệ sĩ. (The posture of the musicians playing the Vietnamese zither is beautiful, gentle and suitable to the artists’ souls and emotions.)

Relevant information and ideas from text 2B that students may use in their response.

* Đàn tranh có thể biểu diễn được nhiều sắc thái tình cảm nhất so với các đàn dân tộc khác của Việt Nam. (The Vietnamese zither can perform the most emotional nuances compared to other traditional musical instruments of Vietnam.)
* Đàn tranh có thể chơi kết hợp với các loại nhạc cụ dân tộc Việt Nam và nhạc cụ của các nước khác, kể cả nhạc cụ cổ điển và hiện đại của phương Tây. (The Vietnamese zither can be played in combination with other musical instruments from Vietnam or other countries, including classical and modern Western instruments.)
* Đàn tranh được yêu mến ở nhiều nước trên thế giới. (The Vietnamese zither is recognised in many countries around the world.)
* Đàn tranh chơi được không chỉ nhạc dân tộc mà còn các thể loại nhạc jazz, rock, R&B. (The Vietnamese zither can play not only classical but also contemporary music genre, such as jazz, rock and R&Bs.)
* Đàn tranh mang giá trị truyền thống tốt đẹp đến cho lớp trẻ ngày nay. (The Vietnamese zither brings good traditional values to today's youth.)
* Hãy tham gia vào câu lạc bộ đàn tranh của tôi. (Let’s join my zither club.)

Section 3 – Writing in Vietnamese

In this section, students were required to write a response to one of the two given topics. The assessment criteria for this session were:

* relevance, breadth and depth of content
* appropriateness of structure and sequence
* accuracy of vocabulary and grammar (including punctuation and, where relevant, script)
* range and appropriateness of vocabulary and grammar.

Errors noted in this section were:

* Many students responded to Question 3 in personal writing style and some in persuasive writing style. The main characteristics of a blog were not applied. There was a small number of responses that were off topic, writing, for example, about the life of international students in Australia or about life in Australia.
* Most students did not apply the correct characteristics of a short story in Question 4. Many did not have a title, author, a conflict or climax/resolution.
* Use of incorrect vocabulary:
* làm việc xuyên đêm instead of làm việc suốt đêm (work all night)
* ngày lễ hoành tráng instead of ngày lễ lớn/tưng bừng (big/jubilant holiday)
* âm thanh xinh đẹp instead of âm thanh du dương/hùng tráng (melodious/epic sound)
* âm thanh được thiết lập như chính con người vậy instead of âm thanh được lập trình như chính con người vậy (sound is programmed like humans)
* bé người máy instead người máy (robot); tinh linh instead of sinh linh (living beings)
* trểnh mảng instead of chểnh mảng (negligence)
* sai xót instead of sai sót (errors)
* trú tâm instead of chú tâm (focus)
* Vague expressions:
* người chơi không được tác động vật lý mạnh instead of người chơi không được va chạm mạnh (players are not allowed to collide strongly);
* sau khi thi hành các hoạt động vệ sinh cá nhân instead of sau khi vệ sinh cá nhân (after personal hygiene);
* dùng điểm danh bằng khuôn mặt instead of nhìn mặt để điểm danh (look at the faces to take attendance).

Question 3

Writing style: informative

Text type: blog

Audience: blog readers and students from Vietnam

Responses may include the following points:

Facilities and equipment needed to play:

* the playing field
* the equipment required

Rules:

* number of players
* how to score
* Sport is an important part of life in Australia. Besides, it has many benefits for participants like:
* It motivates people at all ages to be active and remain healthy.
* It motivates kids to be active, which can also improve school results.
* It improves our physical and mental health.
* It brings people and communities together, forming more close friendships.

Question 4

Writing style: imaginative

Text type: short story

Audience: readers of the Science Fiction magazine

Responses could have included the following ideas:

* context: describe the workplace, introduce your job, colleagues
* introducing the robot: personal/technical information, characteristics of the robot, the job position that the robot undertakes
* something happening in the story – a surprise, a shock, a conflict, a resolution – to make it more interesting and to provide the focus or climax
* your feelings when interacting with the robot
* differences and similarities when the robots work with people
* lessons learned to work more effectively with robots.